

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ÓC DẦU KHÍ**

*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC DẦU KHÍ**

Tầng 3, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 35

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC DẦU KHÍ

Tầng 3, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2014)
Ông Hoàng Ngọc Sáu	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2014)
Ông Trần Việt Thành	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2014)
Ông Hoàng Quốc Khánh	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2014)
Ông Nguyễn Doãn Luyện	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2014)
Ông Trương Sỹ Minh	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2014)
Ông Nguyễn Ngọc Toàn	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2014)
Ông Nguyễn Văn Lai	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2014)
Ông Nguyễn Anh Quân	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2014)
Bà Vũ Kiều Nga	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2014)

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Doãn Luyện	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2014)
Ông Phạm Văn Hùng	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2014)
Ông Đinh Ngọc Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Long	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2014)
Ông Nguyễn Văn Quyết	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25 tháng 8 năm 2014)
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2014)
Ông Chu Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2014)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC DẦU KHÍ**

Tầng 3, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Doãn Luyện**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 30 tháng 8 năm 2014

Số: 357 /VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 30 tháng 8 năm 2014, từ trang 6 đến trang 35. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

- Như trình bày tại Thuyết minh số 7, số 8 và số 11 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với một số khoản trả trước cho người bán, khoản phải thu khác và khoản tạm ứng cho cán bộ công nhân viên đã phát sinh từ các kỳ kế toán trước thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013. Các khoản này đã tồn đọng lâu ngày với giá trị là khoảng 31,3 tỷ đồng. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục soát xét về việc xác định khả năng thu hồi đối với các khoản trả trước cho người bán, khoản phải thu khác và tạm ứng cho cán bộ công nhân viên này. Chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Công ty hay không.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 7 và số 37 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tính đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty và Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC Land) chưa có sự thống nhất về số tiền phạt chậm bàn giao liên quan đến Hợp đồng mua bán căn hộ số 96/HĐ/PVC Land - PVL (Hợp đồng 96). Công ty đã ghi nhận vào thu nhập khác với giá trị khoảng 29,5 tỷ đồng vào năm 2012 và ghi nhận tăng tương ứng khoản trả trước cho người bán đối với PVC Land. Hai bên vẫn đang trong quá trình rà soát để tính toán cụ thể số tiền này theo đúng quy định của Hợp đồng 96 và pháp luật hiện hành, làm căn cứ cho các bên thực hiện. Chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục có liên quan trong báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Công ty hay không.

## BÁO CÁO

### KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

- Như trình bày tại Thuyết minh số 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty chưa đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của các dự án Linh Tây, Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh; Dự án khu nhà ở tại phường Trường Thạnh, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh; tổ hợp trung tâm thương mại, văn hóa, thể thao, văn phòng CV 4.4; khu công viên cây xanh CV 2.2 với tổng giá trị ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất là khoảng 270,6 tỷ đồng. Chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Công ty hay không.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 17 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đang trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú - Lăng Cô, PVC Land dựa trên số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Công ty chưa đánh giá giá trị giảm giá các khoản đầu tư tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 do không có báo cáo tài chính đã được soát xét của các công ty này. Chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Công ty hay không.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 26 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đang ghi nhận một khoản dự phòng phải trả dài hạn là số lỗ ước tính khi bàn giao 139 căn hộ chung cư thuộc dự án PetroVietnam Landmark, phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh với giá trị khoảng 45,1 tỷ đồng. Việc ghi nhận dự phòng phải trả dài hạn như trên là chưa phù hợp về thời điểm ghi nhận theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 18 "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng". Nếu ghi nhận đúng theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 18 thì số lỗ lũy kế của Công ty sẽ giảm đi một khoản tương ứng.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 6 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đang thực hiện đối chiếu, xác nhận công nợ đối với khoản cho Ông Nguyễn Thế Giang vay tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013 cũng như đánh giá khả năng thu hồi của khoản cho vay này nhưng chưa có kết luận cuối cùng. Chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Công ty hay không.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ những điều chỉnh cần thiết do ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

*Chúng tôi xin lưu ý người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất đến các vấn đề sau:*

- Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Trong kỳ, doanh thu từ hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ đạt 486 triệu đồng, lỗ kế toán trước thuế phát sinh với số tiền là khoảng 8,8 tỷ đồng (lỗ lũy kế tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 với số tiền là khoảng 188,2 tỷ đồng). Công ty có khoản vay quá hạn khoảng 24,2 tỷ đồng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam từ năm 2011. Công ty đang nợ lương nhân viên và các khoản bảo hiểm cho người lao động liên tục trong nhiều tháng từ năm 2013 đến hết thời điểm 31 tháng 3 năm 2014. Nguồn tiền thu được trong kỳ chủ yếu từ việc cho thuê và kinh doanh khách sạn Quỳnh Lưu và nhận tiền theo tiến độ đóng tiền của một số ít căn hộ chung cư. Các dự án của Công ty gần như không được triển khai thêm trong kỳ do không tìm được nguồn tiền. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc bán một số các tài sản, dự án hiện có và vay vốn ngân hàng. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty sẽ có thể bán được một số các tài sản, dự án và vay được tiền ngân hàng trong 6 tháng cuối năm 2014 và các năm tiếp theo để đáp ứng nhu cầu vốn tiếp tục triển khai các dự án, đảm bảo dòng tiền thanh toán các khoản công nợ đến hạn. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

## BÁO CÁO

### KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

- Như trình bày tại Thuyết minh số 36 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Hưng Thịnh Phát (Hưng Thịnh Phát) đã gửi đơn kiện Công ty với lý do chấm dứt Hợp đồng số 110/2011/HĐTTMG-PVL về việc phân phối độc quyền các căn hộ dự án PetroVietnam Landmark trước thời hạn. Hưng Thịnh Phát yêu cầu Công ty bồi thường vi phạm hợp đồng với số tiền khoảng 19,2 tỷ đồng. Ngày 31 tháng 7 năm 2014, Tòa án Nhân dân Quận Nam Từ Liêm có thông báo về việc kháng cáo của Hưng Thịnh Phát, kháng cáo đối với Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại số 08/2014/QĐST-KDTM ngày 18 tháng 3 năm 2014 của Tòa án Nhân dân huyện Từ Liêm (nay là Tòa án Nhân dân Quận Nam Từ Liêm). Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đang trong quá trình chuẩn bị các tài liệu, thủ tục pháp lý cho phiên xét xử phúc thẩm với Hưng Thịnh Phát.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 23 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đang ghi nhận số lãi lũy kế phải trả Viện Dầu khí Việt Nam với giá trị khoảng 18,2 tỷ đồng. Tính đến thời điểm lập báo cáo này, hai bên vẫn đang trong quá trình thống nhất phương án xử lý đối với khoản lãi này.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 37 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, ngày 18 tháng 01 năm 2014, Cơ quan An ninh Điều tra - Bộ Công an có Thông báo số 32/ANĐT về việc khởi tố và bắt tạm giam đối với Ông Hoàng Ngọc Sáu - nguyên Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty vì đã có hành vi “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn cố ý làm trái các quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”. Hiện tại, Ông Hoàng Ngọc Sáu đang được tạm giam để phục vụ công tác điều tra.

#### Vấn đề khác

Như trình bày tại Thuyết minh số 37 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác, báo cáo kiểm toán đề ngày 17 tháng 5 năm 2014 với ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với các vấn đề: Chưa xác nhận đầy đủ công nợ phải thu, phải trả và các khoản tạm ứng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013; Ghi nhận khoản dự phòng phải trả dài hạn là số lỗ ước tính khi bàn giao căn hộ tại khu chung cư PetroVietnam Landmark theo các hợp đồng mua bán căn hộ với giá trị là 79,9 tỷ đồng; Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú - Lãng Cô dựa trên báo cáo tài chính năm 2012 do chưa thu thập được báo cáo tài chính năm 2013. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 được soát xét bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất ngày 28 tháng 8 năm 2013 đưa ra kết luận ngoại trừ liên quan đến dự phòng các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn, phải thu khó đòi.



**Vũ Đức Nguyên**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số  
0764-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 30 tháng 8 năm 2014  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Phạm Quỳnh Hoa**  
Kiểm toán viên  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số  
0910-2013-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
				Trình bày lại
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>605.235.502.694</b>	<b>606.202.237.167</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>813.523.639</b>	<b>1.258.316.444</b>
1. Tiền	111		813.523.639	1.258.316.444
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>6.720.000.000</b>	<b>6.720.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		13.440.000.000	13.440.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(6.720.000.000)	(6.720.000.000)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>298.330.994.160</b>	<b>297.676.588.083</b>
1. Phải thu khách hàng	131		1.623.613.871	1.764.299.143
2. Trả trước cho người bán	132	7	276.544.188.340	297.753.002.048
3. Các khoản phải thu khác	135	8	51.338.815.658	29.413.410.601
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(31.175.623.709)	(31.254.123.709)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>271.068.232.291</b>	<b>269.581.323.178</b>
1. Hàng tồn kho	141		271.068.232.291	269.581.323.178
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>28.302.752.604</b>	<b>30.966.009.462</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		16.635.271	109.085.243
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	10	12.004.782.300	11.466.519.470
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	22	6.602.641.709	6.602.641.709
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	9.678.693.324	12.787.763.040
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200= 210+220+250+260+269)	<b>200</b>		<b>235.950.934.691</b>	<b>240.754.035.981</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>12</b>	<b>43.629.095.303</b>	<b>43.629.095.303</b>
1. Phải thu dài hạn khác	218		43.629.095.303	43.629.095.303
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>27.671.096.764</b>	<b>28.700.772.203</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	27.639.930.088	28.658.605.529
- Nguyên giá	222		38.167.858.148	38.529.302.242
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.527.928.060)	(9.870.696.713)
2. Tài sản cố định vô hình	227		31.166.676	42.166.674
- Nguyên giá	228		110.000.000	110.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(78.833.324)	(67.833.326)
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>125.346.339.509</b>	<b>125.346.339.509</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	14	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	114.493.675.019	114.493.675.019
3. Đầu tư dài hạn khác	258	16	26.000.000.000	26.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	17	(15.147.335.510)	(15.147.335.510)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.562.736.448</b>	<b>10.030.537.299</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18	8.472.180.374	9.939.981.225
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		90.556.074	90.556.074
<b>V. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>30.741.666.667</b>	<b>33.047.291.667</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>841.186.437.385</b>	<b>846.956.273.148</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013 Trình bày lại
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)</b>	<b>300</b>		<b>516.696.861.890</b>	<b>513.652.772.257</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>407.509.335.643</b>	<b>404.465.246.010</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	19	24.469.226.932	24.769.226.932
2. Phải trả người bán	312	20	90.425.923.104	91.331.082.187
3. Người mua trả tiền trước	313	21	215.980.765.406	214.051.857.782
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	22	121.281.190	194.971.057
5. Phải trả người lao động	315		4.410.852.893	4.073.837.429
6. Chi phí phải trả	316	23	59.838.524.672	58.212.929.416
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	24	12.261.511.446	11.829.691.207
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.250.000	1.650.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>109.187.526.247</b>	<b>109.187.526.247</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	25	64.000.000.000	64.000.000.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	337	26	45.187.526.247	45.187.526.247
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>324.489.575.495</b>	<b>333.303.500.891</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>27</b>	<b>324.489.575.495</b>	<b>333.303.500.891</b>
1. Vốn điều lệ	411		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.456.876.715	7.456.876.715
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.219.036.040	5.219.036.040
4. Lỗ lũy kế	420		(188.186.337.260)	(179.372.411.864)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>841.186.437.385</b>	<b>846.956.273.148</b>

Trần Khánh Toàn  
 Người lập

Ngày 30 tháng 8 năm 2014

Nguyễn Xuân Việt  
 Kế toán trưởng



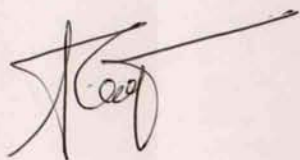
Nguyễn Doãn Luyện  
 Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

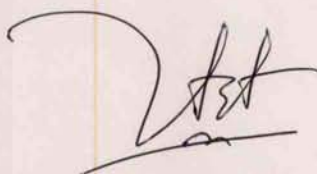
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**MẪU SỐ B 02-DN/HN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2014	Từ ngày 01/01/2013
			đến ngày 30/6/2014	đến ngày 30/6/2013
			Trình bày lại	
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	28	486.407.264	6.057.673.382
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	2.100.000	923.077
<b>3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>28</b>	<b>484.307.264</b>	<b>6.056.750.305</b>
4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	29	920.923.555	6.471.079.367
<b>5. (Lỗ) gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>(436.616.291)</b>	<b>(414.329.062)</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		880.199	2.988.375
7. Chi phí tài chính	22	30	1.738.478.892	4.516.257.046
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.738.478.892	1.971.809.563
8. Chi phí bán hàng	24		258.759.090	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	31	6.330.951.322	10.223.612.813
<b>10. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))</b>	<b>30</b>		<b>(8.763.925.396)</b>	<b>(15.151.210.546)</b>
11. Thu nhập khác	31		-	243.175.455
12. Chi phí khác	32		50.000.000	325.146.623
<b>13. (Lỗ) khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(50.000.000)</b>	<b>(81.971.168)</b>
<b>14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết</b>	<b>45</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>15. Tổng (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40+45)</b>	<b>50</b>		<b>(8.813.925.396)</b>	<b>(15.233.181.714)</b>
<b>16. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50)</b>	<b>60</b>		<b>(8.813.925.396)</b>	<b>(15.233.181.714)</b>
<i>Phân phối cho:</i>				
(Lỗ) sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
(Lỗ) sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		<b>(8.813.925.396)</b>	<b>(15.233.181.714)</b>
<b>17. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>33</b>		<b>(305)</b>



Trần Khánh Toàn  
Người lập



Nguyễn Xuân Việt  
Kế toán trưởng



Nguyễn Doãn Luyện  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 8 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**MẪU SỐ B 03-DN/HN**  
 Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</b>	<b>Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. (Lỗ) trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(8.813.925.396)</b>	<b>(15.233.181.714)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.003.167.864	1.240.829.617
Các khoản dự phòng	03	100.000.000	2.544.447.483
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	-	(180.545.455)
Chi phí lãi vay	06	1.738.478.892	1.971.809.563
<b>3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi     vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(5.972.278.640)</b>	<b>(9.656.640.506)</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	1.946.538.387	(2.792.867.409)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(1.486.909.113)	(354.499.512)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	3.911.635.741	10.604.247.422
Thay đổi chi phí trả trước	12	1.560.250.823	2.591.510.224
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(104.030.003)	(892.908.121)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(144.792.805)</b>	<b>(501.157.902)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	2.988.375
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>-</b>	<b>2.988.375</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(300.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(300.000.000)</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(444.792.805)</b>	<b>(498.169.527)</b>
<b>Tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>1.258.316.444</b>	<b>1.091.918.340</b>
<b>Tiền cuối kỳ (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>813.523.639</b>	<b>593.748.813</b>

**Trần Khánh Toàn**  
 Người lập

**Nguyễn Xuân Việt**  
 Kế toán trưởng



**Nguyễn Doãn Luyện**  
 Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 8 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019968 ngày 04 tháng 10 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 10 lần.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 10 ngày 21 tháng 5 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 56 người (31 tháng 12 năm 2013: 49 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (đầu tư tạo lập nhà; công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; Dịch vụ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất...);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (dịch vụ môi giới bất động sản; dịch vụ định giá bất động sản; dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; dịch vụ quản lý bất động sản; dịch vụ quảng cáo bất động sản; dịch vụ tư vấn bất động sản);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng; tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; tư vấn đấu thầu);
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, dịch vụ phục vụ đồ uống, dịch vụ ăn uống khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Trong kỳ, doanh thu từ hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ đạt 486 triệu đồng, lỗ kế toán trước thuế phát sinh với số tiền là khoảng 8,8 tỷ đồng (lỗ lũy kế tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 với số tiền là khoảng 188,2 tỷ đồng). Công ty có khoản vay quá hạn khoảng 24,2 tỷ đồng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam từ năm 2011. Công ty đang nợ lương nhân viên và các khoản bảo hiểm cho người lao động liên tục trong nhiều tháng từ năm 2013 đến hết thời điểm 31 tháng 3 năm 2014. Nguồn tiền thu được trong kỳ chủ yếu từ việc cho thuê và kinh doanh khách sạn Quỳnh Lưu và nhận tiền theo tiến độ đóng tiền của một số ít căn hộ chung cư. Các dự án của Công ty gần như không được triển khai thêm trong kỳ do không tìm được nguồn tiền. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc bán một số các tài sản, dự án hiện có và vay vốn ngân hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty sẽ có thể bán được một số các tài sản, dự án và vay được tiền ngân hàng trong 6 tháng cuối năm 2014 và các năm tiếp theo để đáp ứng nhu cầu vốn tiếp tục triển khai các dự án, đảm bảo dòng tiền thanh toán các khoản công nợ đến hạn. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hoạt động phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

**Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC DẦU KHÍ**

Tầng 3, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC DẦU KHÍ**

Tầng 3, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</b>
	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC DẦU KHÍ**Tầng 3, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. PHÂN LOẠI LẠI VÀ ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC PHÁT HÀNH**

Trong kỳ, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phân loại lại và điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Ảnh hưởng của các điều chỉnh như sau:

**Phân loại lại một số khoản mục trên báo cáo tài chính hợp nhất đã phát hành****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

	31/12/2013		31/12/2013
	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
	VND	VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>			
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(6.720.000.000)	(6.720.000.000)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(37.974.123.709)	6.720.000.000	(31.254.123.709)
Chi phí trả trước dài hạn	44.703.132.053	(34.763.150.828)	9.939.981.225
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
<b>Nợ ngắn hạn</b>			
Người mua trả tiền trước (i)	3.526.588.520	214.120.675.958	217.647.264.478
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	11.203.912.001	625.779.206	11.829.691.207
<b>Nợ dài hạn</b>			
Dự phòng phải trả dài hạn	79.950.677.075	(34.763.150.828)	45.187.526.247
Doanh thu chưa thực hiện	214.746.455.164	(214.746.455.164)	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC DẦU KHÍ**Tầng 3, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**4. PHÂN LOẠI LẠI VÀ ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC PHÁT HÀNH (Tiếp theo)**

Điều chỉnh hồi tố một số khoản mục trên báo cáo tài chính hợp nhất đã phát hành

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

	31/12/2013		31/12/2013
	Trước điều chỉnh	Điều chỉnh hồi tố	Sau điều chỉnh
	VND	VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>			
Hàng tồn kho	269.374.418.493	206.904.685	269.581.323.178
Trả trước cho người bán	298.013.002.048	(260.000.000)	297.753.002.048
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
Người mua trả tiền trước (i)	217.647.264.478	(3.595.406.696)	214.051.857.782
Chi phí phải trả	56.425.714.729	1.787.214.687	58.212.929.416
<b>NGUỒN VỐN</b>			
<b>Vốn chủ sở hữu</b>			
Lỗi lũy kế	(181.127.508.558)	1.755.096.694	(179.372.411.864)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013		Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	Trước điều chỉnh	Điều chỉnh hồi tố	Sau điều chỉnh
	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.462.266.686	3.595.406.696	6.057.673.382
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	2.903.913.797	3.567.165.570	6.471.079.367

(i) Chỉ tiêu này được phân loại lại và điều chỉnh hồi tố. Số liệu sau phân loại lại và điều chỉnh hồi tố cuối cùng để phản ánh số liệu so sánh được phản ánh trên bảng cân đối kế toán là 214.051.857.782 đồng.

**5. TIỀN**

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	246.933.114	373.290.773
Tiền gửi ngân hàng	566.590.525	885.025.671
	<b>813.523.639</b>	<b>1.258.316.444</b>

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	13.440.000.000	13.440.000.000
	<b>13.440.000.000</b>	<b>13.440.000.000</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(6.720.000.000)	(6.720.000.000)
	<b>(6.720.000.000)</b>	<b>(6.720.000.000)</b>

Đầu tư tài chính ngắn hạn phản ánh khoản tiền cho Ông Nguyễn Thế Giang vay theo Hợp đồng số 02/HĐVV-PVPL/2009 ngày 08 tháng 9 năm 2009. Đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, Ông Giang chưa trả được số gốc vay ban đầu và phần lãi vay với số tiền khoảng 1,3 tỷ đồng đang được ghi nhận trên khoản mục phải thu khác (như trình bày tại Thuyết minh số 8). Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phần gốc vay với giá trị bằng 50% giá trị khoản vay theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC và 100% giá trị khoản lãi phải thu. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đang thực hiện đối chiếu và xác nhận công nợ đối với khoản cho vay này tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 nhưng chưa có kết luận cuối cùng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC DẦU KHÍ**Tầng 3, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (i)	248.210.031.025	248.210.031.025
Công ty Cổ phần Xây lắp Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam (ii)	21.781.061.771	25.169.649.362
Công ty Cổ phần Bất động sản VN (iii)	-	11.221.201.200
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Hưng Thịnh Phát (iii)	-	4.263.887.026
Công ty TNHH Kiến trúc Jina	983.888.640	983.888.640
Các đối tượng khác (iv)	5.569.206.904	7.904.344.795
	<b><u>276.544.188.340</u></b>	<b><u>297.753.002.048</u></b>

- (i) Phần án khoản đóng tiền theo tiến độ mua 139 căn hộ chung cư PetroVietnam Landmark, tại phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. Công ty và Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam chưa thống nhất về khoản lãi phạt chậm trả do chậm bàn giao nhà với số tiền là 29.509.312.449 đồng (như trình bày tại Thuyết minh số 37). Số tiền này đã được Công ty ghi nhận vào thu nhập khác trong năm 2012 và ghi nhận tăng giá trị trả trước cho người bán. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự việc này.
- (ii) Thẻ hiện khoản tạm ứng thi công cho Công trình Chung cư B1 Trường Sa theo Hợp đồng kinh tế số 43/2009/HĐXD/PVPL - PVPLC.
- (iii) Các khoản này được phân loại sang các khoản phải thu khác (như trình bày tại Thuyết minh số 8).
- (iv) Chủ yếu bao gồm khoản trả trước cho người bán của Ban Quản lý dự án phía Nam và các khoản trả trước khác đã tồn đọng lâu ngày. Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi khoản tạm ứng cũng như khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai và thực hiện trích lập dự phòng (nếu có) đối với các khoản trả trước cho người bán này.

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Ban chuẩn bị Dự án Tây Hà Nội (i)	11.400.000.000	11.400.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản VN (ii)	11.221.201.200	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Hưng Thịnh Phát (iii)	4.263.887.026	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam (iv)	3.388.587.591	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí (v)	2.722.601.459	2.722.601.459
Công ty Cổ phần Trí Tuệ Việt (vi)	2.400.000.000	2.400.000.000
Công ty TNHH Khang Trang	1.801.100.000	1.801.100.000
Nguyễn Thế Giang (vii)	1.305.275.904	1.305.275.904
Các đối tượng khác (viii)	12.836.162.478	9.784.433.238
	<b><u>51.338.815.658</u></b>	<b><u>29.413.410.601</u></b>

- (i) Khoản phải thu phát sinh từ năm 2010, chủ yếu bao gồm khoản 11,2 tỷ đồng (tương ứng với phần góp vốn của Công ty trong tổng số 28 tỷ đồng như trình bày ở mục (vi)) là số tiền Công ty nộp vào Kho Bạc Nhà nước Thành phố Hà Nội ủng hộ xây dựng rạp chiếu phim 4D thuộc dự án Rạp chiếu phim Kim Đồng để được sự chấp thuận của UBND Thành phố Hà Nội về việc triển khai dự án CV4.4 theo Công văn số 761/UBND-XD ngày 01 tháng 02 năm 2010. Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản phải thu này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC DẦU KHÍ**

Tầng 3, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)**

- (ii) Khoản phải thu phát sinh từ năm 2011 liên quan đến sai phạm của ông Hoàng Ngọc Sáu nguyên Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty về việc thuê không hơn 1.000 m<sup>2</sup> sàn của Công ty Cổ phần Bất động sản VN (VN Land) để làm sàn Giao dịch Bất động sản. Công ty đã chuyển cho VN Land số tiền khoảng 11,2 tỷ đồng này. Tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi khoản này với giá trị 100%.
- (iii) Khoản phải thu phát sinh từ năm 2011 liên quan đến việc Công ty ký với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Hưng Thịnh Phát (HTP) hợp đồng độc quyền phân phối căn hộ chung cư PetroVietnam Landmark và ủy quyền cho HTP thu 15% giá trị căn hộ của khách hàng sau đó chuyển cho Công ty. Khoản phải thu là chênh lệch giữa 15% giá trị các căn hộ chung cư HTP đã thu được tiền với phân phí môi giới HTP được hưởng từ việc phân phối thành công. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản phải thu này với giá trị khoảng 2,52 tỷ đồng.
- (iv) Khoản phải thu phát sinh từ năm 2012 chủ yếu bao gồm khoảng 3,26 tỷ đồng là số tiền Công ty phạt Công ty Cổ phần Xây lắp Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam do chậm tiến độ trong việc triển khai dự án chung cư B1 Trường Sa. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Xây lắp Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam chưa chấp nhận khoản phạt này. Công ty cũng chưa thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản phải thu này.
- (v) Công ty không xác định được chi tiết khoản phải thu này và đang trong quá trình làm việc để xác định trách nhiệm đối với khoản phải thu này. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty đã trích lập dự phòng 100% đối với khoản phải thu này.
- (vi) Khoản phải thu phát sinh từ năm 2010 liên quan đến Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 1081/2007 ngày 17 tháng 12 năm 2007 để triển khai Dự án CV4.4. Theo cam kết của các bên, Công ty Cổ phần Trí tuệ Việt (TTV) góp vốn hợp tác đầu tư với tỷ lệ 30%. Thay mặt các chủ đầu tư Công ty nộp tiền vào Kho bạc Nhà nước Hà Nội với số tiền 28 tỷ đồng ủng hộ xây dựng rạp chiếu phim 4D thuộc dự án Rạp chiếu phim Kim Đồng (như trình bày ở mục (i) Thuyết minh này) trong đó phần góp vốn tương ứng của TTV có giá trị là 8,4 tỷ đồng. Khoản phải thu phản ánh số tiền còn lại TTV chưa thanh toán cho Công ty. Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi với khoản phải thu này.
- (vii) Khoản phải thu phản ánh phần tiền lãi đối với khoản cho ông Nguyễn Thế Giang vay (như trình bày tại Thuyết minh số 6). Công ty đã trích lập dự phòng 100% giá trị đối với khoản phải thu này.
- (viii) Bao gồm chủ yếu là khoản phải thu đối với cán bộ, nhân viên đã nghỉ việc ở Công ty từ trước thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 và các khoản phải thu tổn động của Ban quản lý Dự án Phía Nam. Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng đầy đủ đối với các khoản phải thu này do đang trong quá trình liên lạc với các cán bộ, nhân viên đã nghỉ việc và các đối tượng phải thu của Ban quản lý Dự án Phía Nam để thống nhất nghĩa vụ đối với các khoản phải thu.

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	49.910.318	115.605.100
Công cụ, dụng cụ	3.272.727	
Hàng hóa	48.699.058	166.305.388
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	270.966.350.188	269.299.412.690
	<u>271.068.232.291</u>	<u>269.581.323.178</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (**)	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<u>271.068.232.291</u>	<u>269.581.323.178</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC DẦU KHÍ**

Tầng 3, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***9. HÀNG TỒN KHO (Tiếp theo)**

(\*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang phản ánh chi phí các dự án đang xây dựng dở dang. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang chi tiết theo các dự án như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Dự án Linh Tây, Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (i)	170.130.082.706	170.116.102.403
Dự án Khu nhà ở phường Trường Thạnh, quận 9 (iv)	73.919.378.208	72.523.333.509
Dự án TTTM văn hóa, thể thao, văn phòng CV4.4 (ii)	25.319.334.536	25.302.259.511
Dự án khu công viên cây xanh CV2.2 (iii)	1.273.940.407	1.034.102.936
Các công trình khác	323.614.331	323.614.331
	<b>270.966.350.188</b>	<b>269.299.412.690</b>

(i) Dự án Khu chung cư kết hợp thương mại 18 tầng thuộc Lô đất H, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. được phê duyệt đầu tư từ năm 2009 theo Quyết định số 235A/PVPL/QĐ-HĐQT, tổng mức đầu tư của Dự án khoảng 535 tỷ đồng. Đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, Dự án đã cơ bản hoàn thiện được các hạng mục móng và tầng hầm. Ngày 23 tháng 01 năm 2013, Dự án được dừng triển khai theo Quyết định số 08/QĐ-PVL, Hội đồng Quản trị Công ty cũng đã ra Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT (Nghị quyết 03) về việc thông qua đấu giá Dự án này với mức giá khởi điểm là 51 tỷ đồng. Ngày 11 tháng 8 năm 2014, Hội đồng Quản trị Công ty ra Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT thống nhất dừng Nghị quyết 03 và tiếp tục triển khai Dự án (như trình bày tại Thuyết minh số 38). Công ty đã thế chấp tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Dự án này cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (như trình bày tại Thuyết minh số 19).

(ii) Dự án tổ hợp trung tâm thương mại, văn hóa, thể thao, văn phòng CV 4.4 được thực hiện từ năm 2010. Đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, đề án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đang được Công ty làm việc với Sở Quy hoạch Kiến trúc để được phê duyệt đồng thời Công ty đang huy động các nguồn vốn để triển khai tiếp Dự án này.

(iii) Dự án đầu tư xây dựng công viên cây xanh tại ô đất ký hiệu CV2.2 được triển khai từ năm 2011. Ngày 11 tháng 8 năm 2014, Hội đồng Quản trị Công ty ra Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT về việc "Thông qua các nội dung liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty". Theo đó, Công ty thống nhất chủ trương dừng triển khai dự án CV2.2 để giao lại cho UBND thành phố Hà Nội (như trình bày tại Thuyết minh số 38).

(iv) Dự án "Khu nhà ở tại phường Trường Thạnh, quận 9, thành phố. Hồ Chí Minh" bao gồm 70 tỷ đồng là giá trị quyền sử dụng đất tại số 159A Nguyễn Xiển, phường Trường Thạnh, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh. Phần còn lại là chi phí chuẩn bị dự án. Dự án chưa đi vào giai đoạn xây dựng hạ tầng. Công ty đang huy động các nguồn vốn để triển khai tiếp Dự án này.

(\*\*) Công ty chưa thực hiện đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho do vẫn đang trong quá trình đánh giá các chi phí ước tính để hoàn thiện các dự án cũng như các chi phí cần thiết cho việc tiêu thụ. Mặt khác, việc xác định giá bán đối với các dự án này tại thời điểm hiện tại khá khó khăn do thị trường Bất động sản không ổn định.

**10. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ**

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	12.004.782.300	11.466.519.470
	<b>12.004.782.300</b>	<b>11.466.519.470</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC DẦU KHÍ**Tầng 3, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***10. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ (Tiếp theo)**

Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ chủ yếu phát sinh từ việc triển khai các chi phí đầu vào liên quan đến dự án Linh Tây, dự án CV4.4 chưa có doanh thu và phần chênh lệch thuế GTGT đầu ra, đầu vào của việc mua và bán 139 căn hộ chung cư thuộc dự án PetroVietnam Landmark. Tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty đang tiến hành các thủ tục để hoàn các khoản thuế giá trị gia tăng đầu vào này.

**11. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	9.678.693.324	12.787.763.040
	<b>9.678.693.324</b>	<b>12.787.763.040</b>

Chi tiết các khoản tạm ứng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

	<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyễn Văn Dũng (i)	3.529.061.000	3.529.061.000
Nguyễn Văn Quyết (i)	2.178.778.985	2.178.778.985
Đình Ngọc Bình (i)	945.081.564	945.081.564
Trần Việt Hùng (ii)	-	1.059.398.420
Nguyễn Thế Hưng (ii)	-	1.489.916.210
Đối tượng khác	3.025.771.775	3.585.526.861
	<b>9.678.693.324</b>	<b>12.787.763.040</b>

- (i) Thể hiện các khoản tạm ứng đối với cán bộ, nhân viên vẫn đang làm việc tại Công ty. Toàn bộ các khoản tạm ứng này phát sinh trong thời kỳ từ năm 2010 đến năm 2013. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục để các cán bộ, nhân viên này hoàn tiền tạm ứng hoặc nộp tiền trả lại Công ty.
- (ii) Đây là các khoản tạm ứng đối với các cá nhân đã nghỉ việc, Công ty đã phân loại các khoản tạm ứng này sang các khoản phải thu khác và trích lập dự phòng phải thu khó đòi với giá trị 100% khoản phải thu.

**12. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN**

	<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu dài hạn khác</b>		
Hợp tác xây dựng, khai thác Tòa nhà Văn phòng PetroVietnam Landmark	43.629.095.303	43.629.095.303
	<b>43.629.095.303</b>	<b>43.629.095.303</b>

Phải thu dài hạn khác thể hiện khoản góp vốn đầu tư hợp tác xây dựng, khai thác Dự án Tòa nhà Văn phòng PetroVietnam Landmark với PVC Land theo Hợp đồng số 78/HTĐT/PVL-PVPLS. Hiện tại, khối văn phòng đang tạm dừng không triển khai do thị trường khó khăn và chủ trương chung của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam. Hai bên đã có Biên bản hợp số 15/BB-PVC Land ngày 12 tháng 5 năm 2014, có nêu rõ về việc sẽ chấm dứt hợp đồng này, giá trị phải thu sẽ được đối trừ với các khoản công nợ công ty phải trả PVC Land.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC DẦU KHÍ**Tầng 3, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 31/12/2013	33.261.597.700	686.036.360	3.699.375.254	882.292.928	38.529.302.242
Phân loại lại (i)	(468.464.141)	(686.036.360)	(157.029.455)	1.311.529.956	-
Tại ngày 01/01/2014 (i)	32.793.133.559	-	3.542.345.799	2.193.822.884	38.529.302.242
Giảm khác (ii)	-	-	-	(361.444.094)	(361.444.094)
Tại ngày 30/6/2014	32.793.133.559	-	3.542.345.799	1.832.378.790	38.167.858.148
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 31/12/2013	5.625.561.064	257.368.450	2.536.675.097	1.451.092.102	9.870.696.713
Phân loại lại (i)	95.381.639	(257.368.450)	(164.517.053)	326.503.864	-
Tại ngày 01/01/2014 (i)	5.720.942.703	-	2.372.158.044	1.777.595.966	9.870.696.713
Khấu hao trong kỳ	652.220.028	-	240.106.353	99.841.485	992.167.866
Giảm khác (ii)	-	-	-	(334.936.519)	(334.936.519)
Tại ngày 30/6/2014	6.373.162.731	-	2.612.264.397	1.542.500.932	10.527.928.060
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 30/6/2014	26.419.970.828	-	930.081.402	289.877.858	27.639.930.088
Tại ngày 31/12/2013 (Sau phân loại lại)	27.072.190.856	-	1.170.187.755	416.226.918	28.658.605.529

- (i) Công ty đã phân loại lại các tiểu mục này nhằm đảm bảo số dư đầu kỳ của nguyên giá và khấu hao các tiểu mục khớp đúng với bảng theo dõi chi tiết tài sản cố định.
- (ii) Giảm khác phản ánh việc ghi giảm nguyên giá và khấu hao lũy kế của các tài sản cố định đã hết khấu hao có giá trị dưới 30 triệu đồng theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC về “Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã hết khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 với giá trị là 1.249.791.724 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 726.815.219 đồng).



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC DẦU KHÍ**Tầng 3, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về Công ty con duy nhất của Công ty như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp tại ngày 30/6/2014 VND	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí Sài Gòn	TP Hồ Chí Minh	116.112.500.000	100%	100%	Kinh doanh bất động sản, Xây lắp các loại nhà, công trình.
<b>Tổng cộng</b>		<b>116.112.500.000</b>			

**15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Đầu tư vào công ty liên kết	114.496.786.168	114.496.786.168
Lỗi lũy kế từ công ty liên kết	(3.111.149)	(3.111.149)
	<b>114.493.675.019</b>	<b>114.493.675.019</b>

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp tại ngày 30/6/2014 VND	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty cổ phần Địa ốc Dầu khí Viễn thông	Hà Nội	114.496.786.168	47%	47%	Xây dựng công nghiệp, giao thông, đầu tư và phát triển nhà
<b>Tổng cộng</b>		<b>114.496.786.168</b>			

**16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Đầu tư dài hạn khác	30/6/2014 VND	Tỷ lệ phần sở hữu %	31/12/2013 VND	Tỷ lệ phần sở hữu %
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Phong Phú - Lãng Cô	1.600.000.000	9%	1.600.000.000	9%
Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp dầu khí Việt Nam	24.400.000.000	10%	24.400.000.000	10%
	<b>26.000.000.000</b>		<b>26.000.000.000</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC DẦU KHÍ**Tầng 3, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**17. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú - Lăng Cô	133.770.415	133.770.415
Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam	15.013.565.095	15.013.565.095
	<b><u>15.147.335.510</u></b>	<b><u>15.147.335.510</u></b>

Công ty đang trích lập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn này dựa trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán của các công ty này.

**18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng tòa nhà C.E.O	8.093.926.230	8.797.745.902
Chi phí trả trước khác	378.254.144	1.142.235.323
	<b><u>8.472.180.374</u></b>	<b><u>9.939.981.225</u></b>

**19. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	24.469.226.932	24.769.226.932
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai (i)	24.269.226.932	24.569.226.932
- Vay cá nhân	200.000.000	200.000.000
	<b><u>24.469.226.932</u></b>	<b><u>24.769.226.932</u></b>

(i) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai theo Hợp đồng tín dụng số 2010/HĐTĐ ngày 08 tháng 11 năm 2010. Lãi suất là lãi suất thả nổi bằng lãi tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau cộng biên độ 5%/năm. Lãi suất tại thời điểm vay là 19%. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc dự án chung cư kết hợp thương mại 18 tầng, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh (như trình bày tại Thuyết minh số 9). Khoản vay này đã quá hạn từ ngày 08 tháng 11 năm 2011. Công ty đã tạm tính tiền lãi đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 (bao gồm cả lãi quá hạn) là 8.784.313.150 đồng (như trình bày tại Thuyết minh số 23).

**20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Viện Dầu khí Việt Nam (i)	54.000.000.000	54.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sài Gòn (ii)	8.992.385.326	8.992.385.326
Công ty Cổ phần Đầu tư CEO	1.267.958.269	988.849.502
Đối tượng khác	26.165.579.509	27.349.847.359
	<b><u>90.425.923.104</u></b>	<b><u>91.331.082.187</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC DẦU KHÍ**Tầng 3, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN (Tiếp theo)**

- (i) Khoản phải trả liên quan đến việc nhận chuyển nhượng 12.500.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Nghiên cứu Dầu khí Miền Nam từ Viện Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng chuyển nhượng số 0106/2011/PVL-VPI ngày 06 tháng 01 năm 2011 và phụ lục 01 ngày 17 tháng 06 năm 2011. Giá trị 54 tỷ đồng phản ánh số tiền Công ty còn nợ Viện Dầu khí Việt Nam. Ngoài ra, Công ty phải chịu một khoản lãi trả chậm với lãi suất 14%/năm nếu chậm thanh toán cho Viện Dầu khí Việt Nam sau ngày 24 tháng 02 năm 2011. Số lãi chậm trả Công ty ghi nhận tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 18.253.972.603 đồng (như trình bày tại Thuyết minh số 23). Công ty đang làm việc với Viện Dầu khí Việt Nam để thống nhất phương án xử lý đối với khoản lãi này.
- (ii) Khoản phải trả liên quan đến việc thi công hạng mục móng tầng hầm dự án Linh Tây theo hợp đồng số 95/2010.

**21. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

Chủ yếu phản ánh số tiền khách hàng mua chung cư đóng tiền theo tiến độ đối với dự án PetroVietnam Landmark và dự án Linh Tây (PetroVietnam Greenhouse).

**22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
<b>Thuế phải thu</b>		
Thuế giá trị gia tăng	924.492	924.492
Thuế thu nhập cá nhân	3.309.548	3.309.548
Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN)	6.292.538.584	6.292.538.584
Thuế TNDN nộp thay nhà thầu nước ngoài	305.869.085	305.869.085
	<u><b>6.602.641.709</b></u>	<u><b>6.602.641.709</b></u>
<b>Thuế phải nộp</b>		
Thuế giá trị gia tăng	9.369.356	-
Thuế thu nhập cá nhân	108.888.757	194.971.057
Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.023.077	-
	<u><b>121.281.190</b></u>	<u><b>194.971.057</b></u>

**23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay VietinBank (i)	8.784.313.150	7.045.834.258
Trích trước chi phí lãi phạt chậm trả Viện Dầu khí Việt Nam (ii)	18.253.972.603	18.253.972.603
Trích trước chi phí thi công công trình B1 Trường Sa (iii)	28.915.894.119	28.915.894.119
Trích trước chi phí công trình Linh Tây	3.774.070.255	3.774.070.255
Chi phí phải trả khác	110.274.545	223.158.181
	<u><b>59.838.524.672</b></u>	<u><b>58.212.929.416</b></u>

- (i) Khoản trích lãi vay phải trả đối với khoản vay ngắn hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai (như đã trình bày tại Thuyết minh số 19).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC DẦU KHÍ**

Tầng 3, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ (Tiếp theo)**

- (ii) Khoản trích chi phí lãi do chậm trả liên quan đến khoản phải trả Viện Dầu khí Việt Nam (như đã trình bày tại Thuyết minh số 20). Ngày 29 tháng 7 năm 2014, Công ty và Viện Dầu khí Việt Nam đã có biên bản làm việc về việc xử lý công nợ hợp đồng chuyển nhượng cổ phần. Theo đó, Viện Dầu khí Việt Nam đang ghi nhận một khoản lãi phải thu Công ty đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2014 với số tiền là 19.693.479.452 đồng. Công ty đang làm việc với Viện Dầu khí Việt Nam để thống nhất phương án xử lý đối với khoản lãi này.
- (iii) Trích trước chi phí thi công công trình chung cư B1 Trường Sa phản ánh khoản trích giá vốn theo doanh thu đảm bảo tỷ lệ lãi gộp theo các hợp đồng đã ký với chủ đầu tư và các nhà thầu phụ.

**24. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Vinaconex	5.853.320.000	5.853.320.000
Công ty Cổ phần Bất động sản VN	1.867.066.106	1.867.066.106
Đối tượng khác	4.541.125.340	4.109.305.101
	<u>12.261.511.446</u>	<u>11.829.691.207</u>

**25. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Phải trả dài hạn khác	64.000.000.000	64.000.000.000
	<u>64.000.000.000</u>	<u>64.000.000.000</u>

Khoản công nợ phải trả cho Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC Land) phát sinh từ việc góp vốn thực hiện Hợp đồng hợp tác đầu tư số 06/HĐHTDT/PSG-PVCLAND về việc “Hợp tác triển khai thực hiện Dự án Khu nhà ở tại phường Trường Thạnh, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh”. Theo đó, PVC Land đã góp cho Công ty số tiền là 64 tỷ đồng.

**26. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Dự phòng phải trả dài hạn	45.187.526.247	45.187.526.247
	<u>45.187.526.247</u>	<u>45.187.526.247</u>

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh số lỗ ước tính khi bàn giao 139 căn hộ chung cư thuộc dự án PetroVietnam Landmark, phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. Khoản dự phòng này được tính căn cứ trên chênh lệch giá mua và giá bán theo hợp đồng mà Công ty đã ký với khách hàng và Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC DẦU KHÍ**Tầng 3, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**27. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lỗi lũy kế	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	500.000.000.000	7.456.876.715	5.219.036.040	6.372.747.113	519.048.659.868
Lỗi trong năm	-	-	-	(185.745.158.977)	(185.745.158.977)
Tại ngày 01/01/2014	500.000.000.000	7.456.876.715	5.219.036.040	(179.372.411.864)	333.303.500.891
Lỗi trong kỳ	-	-	-	(8.813.925.396)	(8.813.925.396)
Tại ngày 30/6/2014	500.000.000.000	7.456.876.715	5.219.036.040	(188.186.337.260)	324.489.575.495

**Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 10 ngày 21 tháng 5 năm 2014, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty đều là 500.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp tại ngày			
	30/6/2014	%	31/12/2013	%
	VND		VND	
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	70.000.000.000	14,00%	70.000.000.000	14,00%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	30.885.000.000	6,18%	30.760.000.000	6,15%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	19.640.000.000	3,93%	19.640.000.000	3,93%
Các cổ đông khác	379.475.000.000	75,90%	379.600.000.000	75,92%
	<b>500.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>500.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**Cổ phiếu**

	30/6/2014	31/12/2013
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC DẦU KHÍ**Tầng 3, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**28. DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
<b>Tổng doanh thu cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	486.407.264	6.057.673.382
	<b>486.407.264</b>	<b>6.057.673.382</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.100.000	923.077
<b>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</b>	<b>484.307.264</b>	<b>6.056.750.305</b>

**29. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	920.923.555	6.471.079.367
	<b>920.923.555</b>	<b>6.471.079.367</b>

**30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	2.544.447.483
Chi phí lãi vay	1.738.478.892	1.971.809.563
	<b>1.738.478.892</b>	<b>4.516.257.046</b>

**31. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Chi phí lương	1.171.444.735	2.408.339.446
Chi phí vật liệu quản lý	-	17.631.050
Chi phí đồ dùng văn phòng	155.356.280	1.425.260.134
Chi phí khấu hao	666.795.540	407.801.750
Thuế, phí, lệ phí	71.296.185	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.704.217.992	2.970.320.899
Chi phí khác bằng tiền	156.215.590	685.634.534
Chi phí dự phòng	100.000.000	-
Phân bổ lợi thế thương mại	2.305.625.000	2.305.625.000
	<b>6.330.951.322</b>	<b>10.223.612.813</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC DẦU KHÍ**Tầng 3, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.000.836.781	1.635.768.106
Chi phí nhân công	858.814.710	3.118.186.358
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.003.167.864	1.240.829.617
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.600.100.162	2.429.863.690
Chi phí khác bằng tiền	572.755.948	762.030.429
	<b>7.035.675.465</b>	<b>9.186.678.200</b>

**33. (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Đơn vị	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	VND	(8.813.925.396)	(15.233.181.714)
(Lỗ) để tính (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	VND	(8.813.925.396)	(15.233.181.714)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	Cổ phiếu	50.000.000	50.000.000
(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	VND	(176)	(305)
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	VND	10.000	10.000

**34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay ngắn hạn như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 trừ đi tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ trừ lỗ lũy kế).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản vay	24.469.226.932	24.769.226.932
Trừ: Tiền	813.523.639	1.258.316.444
Nợ thuần	23.655.703.293	23.510.910.488
Vốn chủ sở hữu	324.489.575.495	333.303.500.891
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,07</b>	<b>0,07</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC DẦU KHÍ**Tầng 3, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	813.523.639	1.258.316.444
Phải thu khách hàng và phải thu khác	83.457.135.942	61.493.916.157
Đầu tư tài chính	17.572.664.490	17.572.664.490
<b>Tổng cộng</b>	<b>101.843.324.071</b>	<b>80.324.897.091</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	24.469.226.932	24.769.226.932
Phải trả người bán và phải trả khác	101.968.871.580	102.575.990.595
Chi phí phải trả	59.838.524.672	58.212.929.416
<b>Tổng cộng</b>	<b>186.276.623.184</b>	<b>185.558.146.943</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC DẦU KHÍ**Tầng 3, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lỗ trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ tăng/giảm với số tiền tương ứng như sau:

	<b>Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản</b>	<b>Ảnh hưởng đến (lỗ) trước thuế VND</b>
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014		
VND	200	242.692.270
VND	(200)	(242.692.270)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013		
VND	200	491.384.539
VND	(200)	(491.384.539)

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Như trình bày tại Thuyết minh số 38, Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014 ra Nghị quyết số 10/2014/NQ-ĐHCD thông qua Tờ trình số 04/2014/TTr-HDQT ngày 23 tháng 6 năm 2014 của Hội đồng Quản trị về việc phê duyệt cho Công ty chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí Viễn thông, công ty liên kết của Công ty.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC DẦU KHÍ**Tầng 3, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2014	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền	813.523.639	-	813.523.639
Phải thu khách hàng và phải thu khác	39.828.040.639	43.629.095.303	83.457.135.942
Đầu tư tài chính	6.720.000.000	10.852.664.490	17.572.664.490
	<b>47.361.564.278</b>	<b>54.481.759.793</b>	<b>101.843.324.071</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	101.968.871.580	-	101.968.871.580
Chi phí phải trả	59.838.524.672	-	59.838.524.672
Các khoản vay	24.469.226.932	-	24.469.226.932
	<b>186.276.623.184</b>	<b>-</b>	<b>186.276.623.184</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(138.915.058.906)</b>	<b>54.481.759.793</b>	<b>(84.433.299.113)</b>
31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền	1.258.316.444	-	1.258.316.444
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.864.820.854	43.629.095.303	61.493.916.157
Đầu tư tài chính	6.720.000.000	10.852.664.490	17.572.664.490
	<b>25.843.137.298</b>	<b>54.481.759.793</b>	<b>80.324.897.091</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	102.575.990.595	-	102.575.990.595
Chi phí phải trả	58.212.929.416	-	58.212.929.416
Các khoản vay	24.769.226.932	-	24.769.226.932
	<b>185.558.146.943</b>	<b>-</b>	<b>185.558.146.943</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(159.715.009.645)</b>	<b>54.481.759.793</b>	<b>(105.233.249.852)</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty có rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Kế hoạch tăng cường khả năng thanh khoản được trình bày tại Thuyết minh số 2.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC DẦU KHÍ**Tầng 3, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
<b>Phải thu khác</b>		
Ông Đinh Ngọc Bình - Phó Tổng giám đốc	150.000.000	150.000.000
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</b>		
	<u>Từ ngày 01/01/2014</u>	<u>Từ ngày 01/01/2013</u>
	<u>đến ngày 30/6/2014</u>	<u>đến ngày 30/6/2013</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	136.471.429	76.566.418
<b>Các khoản tạm ứng của Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc</b>		
	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Ông Nguyễn Văn Dũng - Chủ tịch HĐQT	3.529.061.000	3.529.061.000
Ông Đinh Ngọc Bình - Phó Tổng giám đốc	945.081.564	945.081.564

**36. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Ngày 08 tháng 4 năm 2011, Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Hưng Thịnh Phát (Hưng Thịnh Phát) ký Hợp đồng số 110/2011/HĐTTMG-PVL về việc phân phối độc quyền các căn hộ dự án PetroVietnam Landmark, tại phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 21 tháng 9 năm 2011, Công ty phát hành văn bản số 854/CV-PVL về việc yêu cầu Hưng Thịnh Phát tạm dừng hoạt động bán hàng để Công ty điều chỉnh phương án kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, Hưng Thịnh Phát đã gửi đơn kiện Công ty với lý do chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn. Hưng Thịnh Phát yêu cầu Công ty bồi thường vi phạm hợp đồng với số tiền khoảng 19,2 tỷ đồng. Ngày 18 tháng 3 năm 2014, Tòa án Nhân dân huyện Từ Liêm (nay là Tòa án Nhân dân Quận Nam Từ Liêm) đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại số 08/2014/QĐST-KDTM với lý do nguyên đơn là Hưng Thịnh Phát đã được triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không có đơn xin giải quyết vắng mặt hay không chứng minh được sự kiện bất khả kháng. Ngày 31 tháng 7 năm 2014, Tòa án Nhân dân Quận Nam Từ Liêm có thông báo về việc kháng cáo của Hưng Thịnh Phát, kháng cáo đối với Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại số 08/2014/QĐST - KDTM ngày 18 tháng 3 năm 2014 của Tòa án Nhân dân huyện Từ Liêm. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đang trong quá trình chuẩn bị các tài liệu, thủ tục pháp lý cho phiên xét xử phúc thẩm với Hưng Thịnh Phát.

Trong kỳ, một số cá nhân là khách hàng mua căn hộ chung cư thuộc dự án Linh Tây (PetroVietnam GreenHouse) và dự án PetroVietnam Landmark do Công ty là chủ đầu tư hoặc là bên phân phối có đơn khiếu kiện liên quan đến việc yêu cầu Công ty hủy hợp đồng mua bán căn hộ và yêu hoàn trả số tiền đã đóng theo tiến độ cũng như giá trị lãi phạt chậm bàn giao nhà. Công ty đã thực hiện tiến hành hòa giải thành, thanh lý hợp đồng và chấp nhận trả lại tiền đã nhận đối với một số khách hàng. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty vẫn đang thực hiện hòa giải đối với khiếu kiện của một số khách hàng khác để xác định trách nhiệm của các bên. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào nếu có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***37. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

Ngày 18 tháng 01 năm 2014, Cơ quan An ninh Điều tra - Bộ Công an có Thông báo số 32/ANĐT về việc khởi tố và bắt tạm giam đối với Ông Hoàng Ngọc Sáu - Nguyên Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty vì đã có hành vi “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn cố ý làm trái các quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”. Hiện tại, Ông Hoàng Ngọc Sáu đang được tạm giam để phục vụ công tác điều tra.

Ngày 06 tháng 4 năm 2014, Công ty đã ra Nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHCD nghị quyết đại hội cổ đông bất thường thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ cũ và bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2014 - 2019. Ngày 07 tháng 4 năm 2014, Hội đồng Quản trị đã ra Quyết định số 02/QĐ-PVL/HĐQT về việc bổ nhiệm Ông Nguyễn Doãn Luyện giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 07 tháng 4 năm 2014.

Công ty và Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC Land) có sự chưa thống nhất liên quan đến Hợp đồng mua bán căn hộ số 96/HĐ/PVC Land-PVL (Hợp đồng 96). Ngày 12 tháng 5 năm 2014, PVC Land và Công ty có biên bản họp liên quan đến việc “tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến việc hợp tác đầu tư các dự án giữa PVC Land và Công ty”. Theo đó, hai bên cùng thống nhất về số tiền Công ty đã đóng theo tiến độ cho PVC Land ngoại trừ khoản tiền phạt chậm bàn giao căn hộ của Hợp đồng 96 mà Công ty phạt PVC Land với giá trị 29,5 tỷ đồng. Công ty đã ghi nhận khoản phạt này vào thu nhập khác và trả trước cho người bán từ năm 2012. Hai bên thống nhất sẽ rà soát để tính toán cụ thể số tiền này theo đúng quy định của Hợp đồng 96 và pháp luật hiện hành, làm căn cứ cho các bên thực hiện. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện này.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác, báo cáo kiểm toán đề ngày 17 tháng 5 năm 2014 với ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với các vấn đề: Chưa xác nhận đầy đủ công nợ phải thu, phải trả và các khoản tạm ứng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013; Ghi nhận khoản dự phòng phải trả dài hạn là số lỗ ước tính khi bàn giao căn hộ tại khu chung cư PetroVietnam Landmark theo các hợp đồng mua bán căn hộ với giá trị là 79,9 tỷ đồng; Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú - Lãng Cô dựa trên báo cáo tài chính năm 2012 do chưa thu thập được báo cáo tài chính năm 2013. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 được soát xét bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất ngày 28 tháng 8 năm 2013 đưa ra kết luận ngoại trừ liên quan đến dự phòng các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn, phải thu khó đòi.

**38. SỰ KIẾN SAU NGÀY KHÓA SỔ**

Ngày 25 tháng 7 năm 2014, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ra Nghị quyết số 10/2014/NQ-ĐHCD thông qua Tờ trình số 04/2014/TTr-HĐQT ngày 23 tháng 6 năm 2014 của Hội đồng Quản trị về việc phê duyệt cho Công ty chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí Viễn thông. Số lượng cổ phần chuyển nhượng là 5.817.600 cổ phần (trong đó, số cổ phần đã góp vốn là 4.645.397 cổ phần và quyền góp vốn cho 1.172.203 cổ phần), đơn giá chuyển nhượng cổ phần không thấp hơn mệnh giá mỗi cổ phần. Số cổ phần này sẽ được chào bán công khai cho cán bộ công nhân viên Công ty, trường hợp bán không hết sẽ được chào bán cho các đối tác khác. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty vẫn có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí Viễn thông, theo đó khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí Viễn thông vẫn được xác định và trình bày là khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC DẦU KHÍ**

Tầng 3, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***38. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ (Tiếp theo)**

Ngày 11 tháng 8 năm 2014, Hội đồng Quản trị ra Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT về việc “Thông qua các nội dung liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty”. Theo đó, thống nhất chủ trương dừng triển khai dự án CV 2.2 để giao lại cho UBND thành phố Hà Nội, tiếp tục triển khai dự án CV4.4 theo phương án đã trình sở Quy hoạch Kiến trúc phê duyệt. Đồng thời, Hội đồng Quản trị Công ty cùng thống nhất dừng Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT về việc chuyển nhượng dự án Linh Tây; tiếp tục triển khai tái khởi động đầu tư xây dựng dự án này. Nghị quyết cũng thống nhất chủ trương về việc cho chuyển nhượng Trung tâm thương mại, khách sạn Quỳnh Lưu Plaza.

**39. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Một số số liệu đầu kỳ đã được điều chỉnh phân loại lại và hồi tố như trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Trần Khánh Toàn**  
Người lập

Ngày 30 tháng 8 năm 2014

**Nguyễn Xuân Việt**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Doãn Luyện**  
Tổng Giám đốc